

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

1.1 Kế toán phải thu của khách hàng

1.1.1 Khái niệm kế toán phải thu của khách hàng

“Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác” (Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định về khoản phải thu).

1.1.2 Đặc điểm, phân loại phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu được phân loại thành khoản phải thu ngắn hạn và khoản phải thu dài hạn:

Đặc điểm	Khoản phải thu ngắn hạn	Khoảng phải thu dài hạn
Khái niệm	Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ các giá trị của các khoản phải thu khách hàng có kỳ hạn thu hồi không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh.	Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ các giá trị của các khoản phải thu khách hàng có kỳ hạn thu hồi vượt quá 12 tháng hoặc kéo dài qua một chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
Phân loại	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Phải thu dài hạn của khách hàng
Nguyên tắc kế toán	Vị trí trên bảng cân đối kế toán: phải thu ngắn hạn	Vị trí trên bảng cân đối kế toán: phải thu dài hạn
Ý nghĩa	Xác định tỷ lệ vốn lưu động cần thiết để có thể bảo đảm khả năng thu hồi các khoản phải thu khách hàng và xác định được thời điểm	Cung cấp tất cả các thông tin chính xác và đầy đủ về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho những đối tượng sử dụng thông

	cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.	tin như cơ quan thuế, các nhà đầu tư, và các bên liên quan khác.
--	---	--

1.1.3 Nguyên tắc kế toán khoản phải thu của khách hàng

“(i) Không phản ánh vào tài khoản 131 các nghiệp vụ thu tiền ngay.

(ii) Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

(iii) Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

(iv) Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

(v) Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

(vi) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu

thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động hoặc tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch thực tế các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn” (căn cứ khoản 1 Điều 18 Thông tư 200/2014/TT-BTC (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 5 Thông tư 177/2015/TT-BTC, khoản 4 Điều 1 Thông tư 53/2016/TT-BTC quy định).

Khoản phải thu đã được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán khi doanh nghiệp có quyền yêu cầu người khác thanh toán một khoản tiền, tài sản hoặc dịch vụ theo đúng hợp đồng hoặc quy định của pháp luật. Khoản phải thu được phản ánh trên tài khoản 131 và có kỳ hạn thu hồi không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp. Khoản phải thu được phân loại theo các đối tượng phải thu, loại nguyên tệ, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khi kế toán các khoản phải thu khách hàng, doanh nghiệp phải cần lưu ý các vấn đề như sau:

Đối với tất cả các khoản phải thu có thời hạn thu hồi đã vượt quá 12 tháng hoặc đã kéo dài qua một chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần phải trích quỹ lập dự phòng dành cho các khoản phải thu khó đòi theo quy định sau:

- Quá 6 tháng đến 1 năm trích 30%
- 1 năm đến dưới 2 năm trích 50%
- 2 năm đến dưới 3 năm trích 70%
- Từ 3 năm trở lên trích 100%

Đối với những khoản phải thu khách bằng ngoại tệ, doanh nghiệp cần phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo đúng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Đối với những khoản phải thu liên quan đến các bên liên quan, doanh nghiệp cần phải thực hiện hạch toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.

Việc tuân thủ theo đúng các nguyên tắc kế toán liên quan đến các khoản phải thu khách hàng sẽ giúp cho doanh nghiệp cung cấp những thông tin chính xác và đầy đủ về tình hình tài chính của mình cho tất cả các đối tượng cần sử dụng thông tin.

1.1.4 Phương pháp hạch toán

“Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 131 dùng để hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán” (căn cứ khoản 2 Điều 18 Thông tư 200/2014/TT-BTC (được bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư 177/2015/TT-BTC).

1.1.5 Phương pháp kế toán

“Trường hợp bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền

Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

(i) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán).

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế).

Có tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(ii) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Trường hợp kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại

Nợ tài khoản 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế).

Nợ tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế).

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Trường hợp kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

(i) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

(ii) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)(giá chưa có thuế).

Nợ tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại).

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

Trường hợp số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ tài khoản 111 - Tiền mặt.

Nợ tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

Nợ tài khoản 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán).

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Trường hợp nhận được tiền do khách hàng trả, nhận tiền ứng trước của khách hàng

Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các tài khoản 111, 112,...

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có tài khoản 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch).

Trường hợp các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng

(i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ tài khoản 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Có tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(iii) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(iv) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(v) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các tài khoản 111, 112,...

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Nợ tài khoản 153 - Công cụ, dụng cụ.

Nợ tài khoản 156 - Hàng hóa.

Nợ tài khoản 611 - Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi phải xử lý xoá sổ

Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng).

Nợ tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng).

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113).

Có tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Trường hợp lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Có tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.”

(Căn cứ khoản 3 Điều 18 Thông tư 200/2014/TT-BTC (được bổ sung bởi khoản 3 Điều 5 Thông tư 177/2015/TT-BTC), phương pháp kế toán đối với một số giao dịch kinh tế chủ yếu)

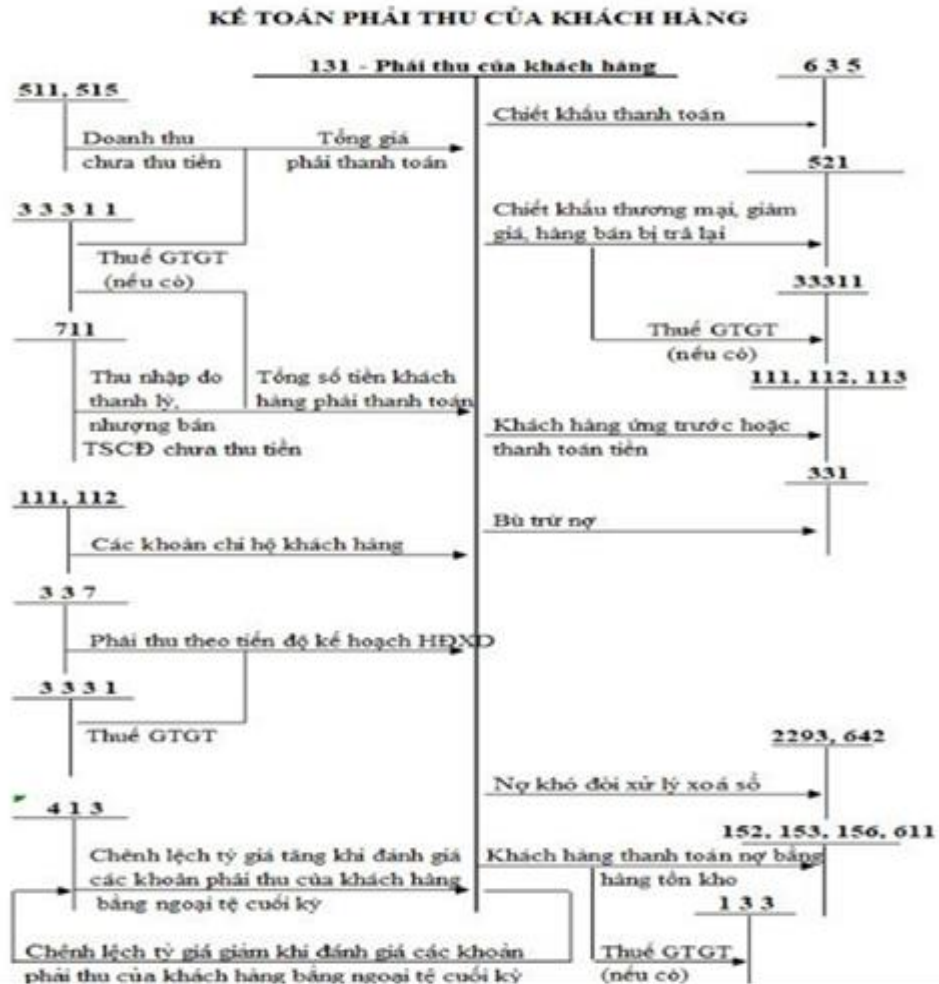
Khi lập báo cáo tài chính, số liệu kế toán từ tài khoản 131 được đưa vào báo cáo tài chính là số liệu chi tiết của tài khoản kế toán.

Tài khoản 1311 – Phải thu phí Bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia Bảo hiểm tiền gửi: Tài khoản phản ánh số phí bảo hiểm tiền gửi phải thu từ tất cả các tổ chức tham gia vào bảo hiểm tiền gửi.

Tài khoản 1312 – Phải thu tiền phạt của tổ chức tham gia Bảo hiểm tiền gửi: Tài khoản phản ánh số tiền phạt do đã vi phạm quy định về xác định số phí bảo hiểm tiền gửi và thời hạn nộp phí của tất cả các tổ chức tham gia vào bảo hiểm tiền gửi.

Tài khoản 1318 – Phải thu khác của khách hàng: Tài khoản phản ánh các khoản phải thu từ khách hàng ngoài các khoản phải thu phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt của tất cả tổ chức vào tham gia bảo hiểm tiền gửi, mà được ghi nhận ở các tài khoản 1311 và 1312.

Sơ đồ kế toán công nợ phải thu của khách hàng – tài khoản 131 theo thông tư 200 được minh họa như sau:



Sơ đồ 1. 1 Kế toán công nợ phải thu của khách hàng

(Nguồn: tác giả thu thập)

1.2 Luật, nghị định, thông tư

+ Luật:

- Luật kế toán: Luật số 88 (ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015):

- Khoản 5, Điều 6 Nguyên tắc kế toán: “Đơn vị kế toán phải sử dụng phương pháp đánh giá tài sản và phân bổ các khoản thu, chi một cách thận trọng, không được làm sai lệch kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.”
- Khoản 1i, Điều 8 Đối tượng kế toán: ... “ các khoản phải thu có liên quan đến đơn vị kế toán.”
- Khoản 1, Điều 10 Đơn vị tính sử dụng trong kế toán: ... “Đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để kế toán, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, đơn vị kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

+ Nghị định:

- Số 174/2016/NĐ-CP (ban hành ngày 30 tháng 02 năm 2016)

+ Thông tư:

- Thông tư 200/2014/TT-BTC (ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014)

- Thông tư 132/2018/TT-BTC (ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2018)


- Thông tư 133/2016/TT-BTC (ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016)

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C

2.1 Giới thiệu về công ty

2.1.1 Thông tin về công ty

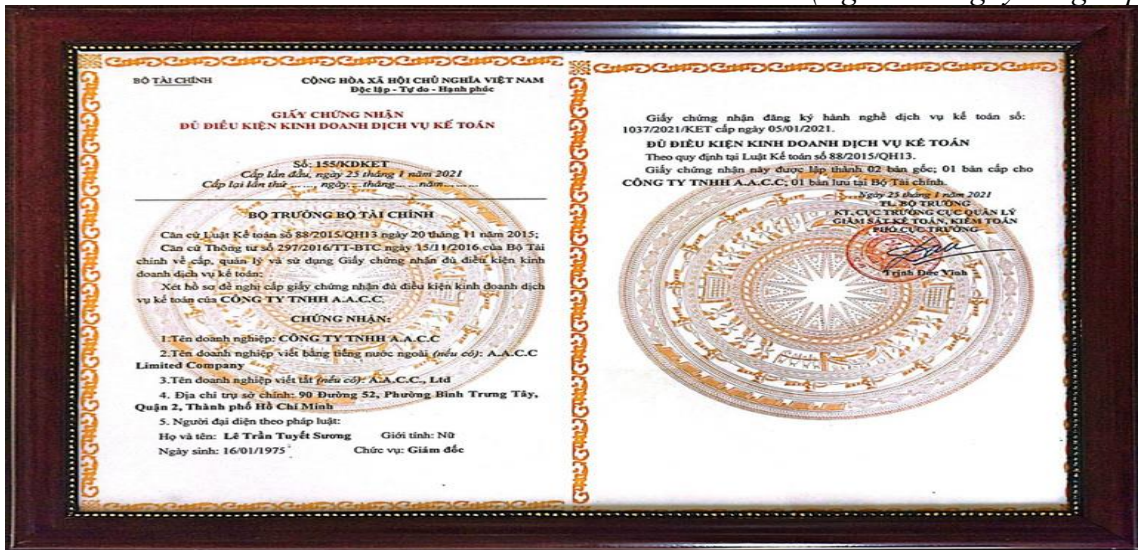
Logo	
Tên giao dịch tiếng Anh	A.A.C.C LIMITED COMPANY
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C
Địa chỉ	90 đường 52 , Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế	0302908912
Người đại diện pháp luật	LÊ TRẦN TUYẾT SƯƠNG
Ngày thành lập	18/04/2003
Vốn điều lệ	550.000.000 đồng
Số điện thoại	028 3636 2319
Website	https://www.facebook.com/profile.php?id=100064084208615
Email	aacco@gmail.com
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">- Đại lý, môi giới, đấu giá- In ấn- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính

+ Hình ảnh minh họa sản phẩm/dịch vụ:



Hình 2. 1 Toàn thể nhân viên Công ty TNHH A.A.C.C

(Nguồn: công ty cung cấp)



Hình 2. 2 Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

(Nguồn: công ty cung cấp)

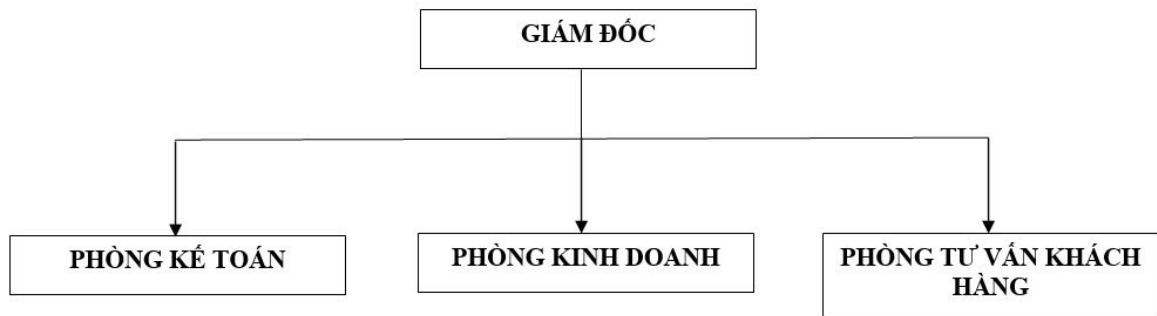


Hình 2. 3 Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
(Nguồn: công ty cung cấp)



Hình 2. 4 Khen tặng Công ty TNHH A.A.C.C
(Nguồn: công ty cung cấp)

2.1.2 Sơ đồ tổ chức công ty

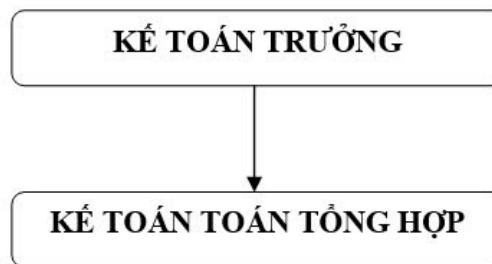


Sơ đồ 2. 1 Tổ chức công ty

(Nguồn: công ty cung cấp)

2.2 Tổ chức hệ thống kế toán

2.2.1 Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2. 2 Tổ chức phòng kế toán

(Nguồn: công ty cung cấp)

2.2.2 Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

Công ty TNHH A.A.C.C là một công ty kế toán nên không theo hình mẫu các doanh nghiệp kinh doanh khác, sơ đồ phòng Kế toán gồm 1 kế toán trưởng và còn lại là kế toán tổng hợp. Công ty vừa mới thành lập thêm hai phòng ban mới là phòng Tư vấn khách hàng và phòng Kinh doanh.

+ Kế toán trưởng: Lê Ngọc Thanh Nga

- Quản lý bộ phận kế toán, đảm bảo công việc hoàn thành đúng thời hạn.
- Tư vấn, hỗ trợ và kiểm tra kết quả của các kế toán tổng hợp. Đảm bảo tính chính xác, hợp pháp của sổ sách kế toán.
- Tham gia phân tích, dự báo nguồn tài chính cho tổ chức. Ngoài ra, còn chịu trách nhiệm trực tiếp việc tính lương, BHXH, BHYT, BHTN,... cho mọi công ty mình.

+ Trưởng nhóm kế toán: Lê Đức Tuấn

- Quản lý bộ phận kế toán, đảm bảo công việc hoàn thành đúng thời hạn.
- Tư vấn, hỗ trợ và kiểm tra kết quả của các kế toán tổng hợp. Đảm bảo tính chính xác, tính hợp pháp của sổ sách kế toán.
- Tham gia phân tích, dự báo các nguồn tài chính cho tổ chức. Ngoài ra, còn chịu trách nhiệm trực tiếp việc tính lương, BHXH, BHYT, BHTN,... cho mọi công ty mình.

2.3 Đặc điểm và chính sách kế toán

+Đặc điểm:

- Chế độ kế toán: theo Thông tư 200
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Xử lý dữ liệu kế toán bằng phần mềm kế toán: Smartpro, Vsign

+ Chính sách kế toán:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ: VND
- Công ty đang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế và kê khai thuế theo tháng
- Sử dụng phần mềm HTKK để kê khai thuế
- Sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

2.4 Mô tả công việc kế toán phải thu khách hàng

2.4.1 Yêu cầu của công việc

+ **Mục đích công việc:** Kế toán phải thu khách hàng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo dòng tiền luân chuyển hiệu quả. Một số vai trò của kế toán phải thu khách hàng bao gồm:

- Tham gia đề xuất định hướng và tư vấn cho cấp trên thông qua công việc theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình tài chính hiện nay của doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin cơ sở cho tất cả các nhà quản lý để có thể định hướng chiến lược phát triển của doanh nghiệp.
- Phải đảm bảo ghi chép đầy đủ, chính xác cao và kịp thời tất cả các thông tin về nghiệp vụ phải thu khách hàng theo từng đối tượng và khoản thanh toán. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, thanh toán đúng hạn để tránh khỏi tình trạng chiếm dụng vốn.
- Kiểm tra vào định kỳ hoặc vào cuối kỳ đối với tất cả các khách hàng có hoạt động mua bán thường xuyên hoặc là có số dư công nợ lớn.
- Việc kế toán theo dõi khoản phải thu khách hàng một cách hiệu quả sẽ giúp cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp và giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu.

+ Nhiệm vụ chính của kế toán phải thu của khách hàng

- Tiếp nhận và kiểm tra nội dung của hợp đồng bán hàng, bao gồm tất cả các thông tin về khách hàng, các điều khoản hợp đồng, các hình thức thanh toán, và các chi tiết liên quan khác.
- Tiến hành theo dõi, giám sát và ghi nhận các biến động tăng giảm của công nợ phải thu của khách hàng theo ngày, tháng, quý và năm.
- Thực hiện hạch toán tất cả các khoản giảm trừ công nợ mà bên phía khách hàng được hưởng theo đúng hợp đồng và các chính sách kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp.
- Tiến hành đối chiếu công nợ với từng khách hàng và xác nhận số liệu công nợ.
- Lập báo cáo tổng hợp về số công nợ phải thu đúng theo như yêu cầu của cấp trên.
- Xây dựng các kế hoạch thu hồi công nợ khi đến hạn và tư vấn, đồng thời đề xuất các biện pháp giải quyết các công nợ khó đòi cho ban lãnh đạo.
- Phối hợp cùng bộ phận kinh doanh để thu hồi công nợ.

+ Kết quả công việc:

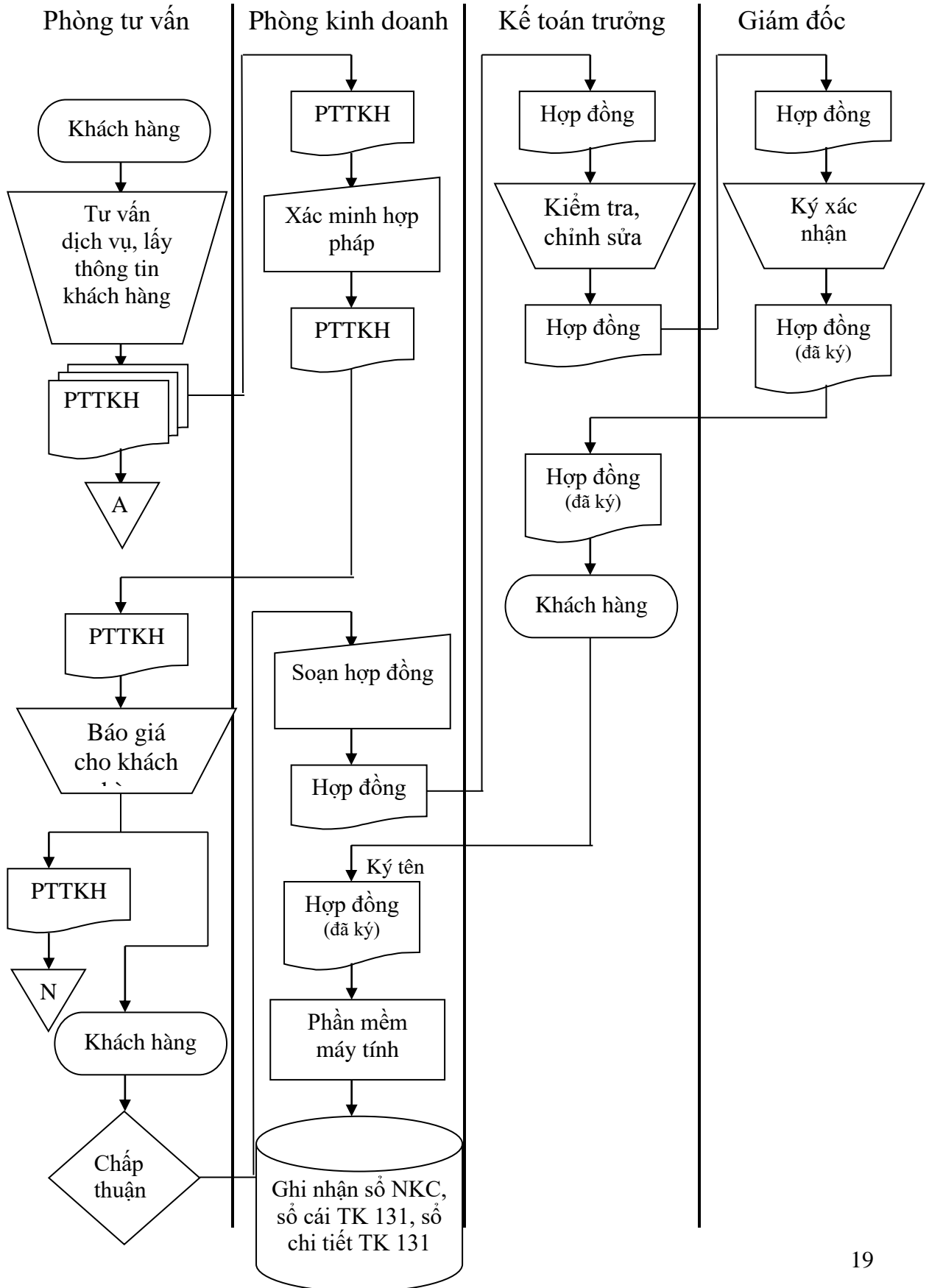
- Hoàn thành đúng tiến độ công việc
- Hàng ngày, kế toán phải cập nhập và ghi chép lại các thông tin

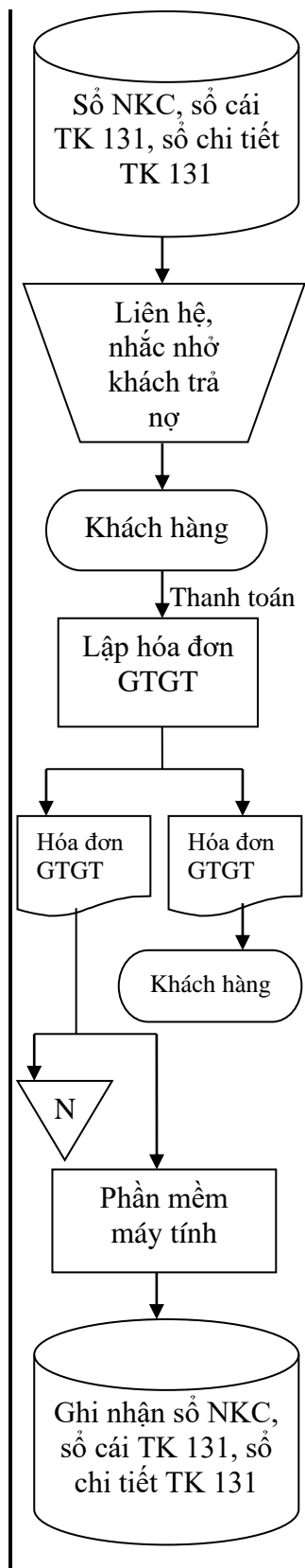
+ Các yêu cầu cho vị trí công việc:

- Trình độ: Tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, kiểm toán
- Kinh nghiệm: chấp nhận chưa có kinh nghiệm (sẽ được đào tạo)
- Phẩm chất: tích cực, nhanh nhẹn, chịu khó, cẩn thận
- Kỹ năng:
 - + Excel, phần mềm Smartpro, Misa
 - + Biết tiếng Anh là lợi thế.

2.4.2 Trình tự tiến hành

+ Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc kế toán phải thu khách hàng Công ty TNHH A.A.C.C





Lưu đồ 2. 1 Quy trình công việc kế toán phải thu của khách hàng tại Công ty TNHH A.A.C.C

(Nguồn: công ty cung cấp)

+ **Diễn giải:** Đây là công ty dịch vụ kế toán nên các kế toán trong doanh nghiệp đều là kế toán tổng hợp. Trong quy trình kế toán phải thu khách hàng, kế toán tổng hợp tại Phòng Kinh doanh sẽ đóng vai trò kế toán phải thu khách hàng.

Bước 1: Khách hàng liên hệ với phòng tư vấn để tìm hiểu dịch vụ phù hợp.

Bước 2: Khách hàng yêu cầu thực hiện dịch vụ, phòng tư vấn thu thập thông tin, lập hai phiếu thông tin khách hàng gửi 1 phiếu cho Phòng kinh doanh và 1 phiếu lưu lại tại phòng Tư vấn theo tên khách hàng.

Bước 3: Phòng kinh doanh xác minh tính hợp pháp của khách hàng rồi liên hệ bộ phận tư vấn báo giá cho khách hàng.

Bước 4: Sau khi khách hàng chấp thuận giá cả, phòng tư vấn liên hệ phòng kinh doanh soạn hợp đồng.

Bước 5: Phòng kinh doanh gửi hợp đồng cho kế toán trưởng xác nhận.

Bước 6: Kế toán trưởng kiểm tra, chỉnh sửa hợp đồng cho Giám đốc ký tên và gửi cho khách hàng.

Bước 7: Khách hàng ký tên và gửi lại hợp đồng, phòng Kinh doanh ghi nhận vào phần mềm hệ thống.

Bước 8: Theo dõi hệ thống đến hạn thanh toán, phòng Kinh doanh liên hệ khách hàng nhắc trả nợ.

Bước 9: Khách hàng tiến hành thanh toán, phòng Kinh doanh xuất 2 hóa đơn giá trị gia tăng, một hoá đơn gửi cho khách hàng, lưu hóa đơn còn lại theo số hợp đồng trên hệ thống.

Bước 10: Phòng Kinh doanh nhập nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm, phần mềm tự cập nhật số liệu vào sổ NCK, sổ cái TK 131, sổ chi tiết TK 131, Bảng cân đối phát sinh.

Bước 11: Các sổ sách, chứng từ có liên quan sẽ được Phòng kinh doanh lưu trên hệ thống.

2.4.3 Kết quả công việc

+ Liên quan đến bút toán:

Nghiệp vụ 1 (số hóa đơn: 7): Ngày 11/01/2023, Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại Thái An Gia thanh toán phí dịch vụ Kế toán của Công ty TNHH A.A.C.C giá chưa thuế GTGT 7.500.000, thuế suất GTGT 10%, hóa đơn GTGT số 00000007, ký hiệu C23TAC, ngày hóa đơn 11/01/2023.

Nợ TK 131- ANGIA	8.250.000
Có TK 511	7.500.000
Có TK 3331	750.000

Mẫu số: 1
Ký hiệu: C23TAC
Số: 7

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 01 năm 2023

MCCQT: 00D8E35DA0674D40A584A23877AAB40CA4

Tên người bán: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C
Mã số thuế: 0302908912
Địa chỉ: 90 đường 52, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 02836362319
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI THÁI AN GIA
Họ tên người mua:
Mã số thuế: 0314876133
Địa chỉ: 68 Nguyễn Huệ - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Phí dịch vụ kế toán	Quý	1	7.500.000	0	10%	7.500.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	7.500.000	750.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	7.500.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	750.000
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	8.250.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn VND.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký
bởi OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302908912.
CN=CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C, O=CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C, S=TP Hồ Chí Minh,

Hình 2.5 Hoá đơn giá trị gia tăng số 7

(Nguồn: công ty cung cấp)

Nghiệp vụ 3 (số hóa đơn: 236): Ngày 14/07/2023 Công ty TNHH Helix International APAC thanh toán phí dịch vụ Tư vấn tháng 05-06/2023 của Công ty TNHH A.A.C.C giá chưa thuế GTGT 30.000.000, thuế suất GTGT 8%, hóa đơn GTGT số 00000236, ký hiệu C23TAC, ngày hóa đơn 14/07/2023.

Nợ TK 131- HELIX 32.400.000
 Có TK 511 30.000.000
 Có TK 3331 2.400.000

Mẫu số: 1
 Ký hiệu: C23TAC
 Số: 236

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 14 tháng 07 năm 2023

MCCQT: 00ECB7A9A914D74CC8A04A3B230DA86D80

Tên người bán: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.A.C.C
 Mã số thuế: 0302908912
 Địa chỉ: 90 đường 52, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: 02836362319
 Số tài khoản:
 Tên người mua: CÔNG TY TNHH HELIX INTERNATIONAL APAC
 Họ tên người mua:
 Mã số thuế: 0317364831
 Địa chỉ: Tầng 12B, Tòa nhà Ciencco 4, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: TM/CK
 Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Phí dịch vụ tư vấn tháng 5,6 năm 2023	Tháng	2	15.000.000	0	8%	30.000.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)
8%	30.000.000	2.400.000	30.000.000
			Tổng giảm trừ không chịu thuế
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)
			Tổng tiền phí
			Tổng tiền chiết khấu thương mại
			Tổng giảm trừ khác
			Tổng tiền thanh toán bằng số
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ

NGƯỜI MUA HÀNG
 (Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
 (Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
 Ký bởi OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302908912.

Hình 2.7 Hoá đơn giá trị gia tăng số 236

(Nguồn: công ty cung cấp)

+ Liên quan đến loại chứng từ kế toán:

- Sổ nhật ký chung năm 2023

CÔNG TY TNHH A.A.C.C

90 Đường 52, BTT,P. Bình Trưng Tây, Q.2, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0302908912

Mẫu số: S03A-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu T	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Phải thu của khách hàng	131		2.200.000
			Phải thu của khách hàng	131	2.000.000	
			Phải thu của khách hàng	131		2.000.000
			Phải thu của khách hàng	131		8.100.000
			Phải thu của khách hàng	131	6.600.000	
			Phải thu của khách hàng	131	1.650.000	
			Phải thu của khách hàng	131	2.200.000	
			Phải thu của khách hàng	131		6.480.000
			Phải thu của khách hàng	131		3.300.000
			Phải thu của khách hàng	131		2.750.000
			Phải thu của khách hàng	131		1.100.000
			Phải thu của khách hàng	131	1.100.000	
			Phải thu của khách hàng	131	8.250.000	
			Phải thu của khách hàng	131		110.160.000
			Phải thu của khách hàng	131		8.250.000
			Phải thu của khách hàng	131	3.300.000	
			Phải thu của khách hàng	131		4.536.000
			Phải thu của khách hàng	131		7.020.000
			Phải thu của khách hàng	131		4.860.000
			Phải thu của khách hàng	131		5.400.000
			Phải thu của khách hàng	131	1.080.000	
			Phải thu của khách hàng	131	3.780.000	
			Phải thu của khách hàng	131	9.720.000	
			Phải thu của khách hàng	131		12.960.000
			Phải thu của khách hàng	131		8.640.000
			Phải thu của khách hàng	131		3.240.000
			Phải thu của khách hàng	131		8.100.000
			Phải thu của khách hàng	131	2.592.000	
			Phải thu của khách hàng	131	14.580.000	
			Phải thu của khách hàng	131	13.500.000	
			Phải thu của khách hàng	131	15.660.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

NLS

KTT

LÊ TRẦN TUYẾT SƯƠNG

Hình 2. 10 Sổ nhật ký chung năm 2023

(Nguồn: công ty cung cấp)

- Sổ cái TK 131

CÔNG TY TNHH A.A.C.C

90 Đường 52, BTT,P. Bình Trưng Tây, Q.2, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0302908912

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :131 - Phải thu của khách hàng

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ		150.495.637	
03/01/23	TNH.300/1	03/01/23	Thu phí dịch vụ kế toán	1121		2.200.000
03/01/23	HDBR.2	03/01/23	Phí dịch vụ báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện năm 2022	5111	1.818.182	
03/01/23	HDBR.2	03/01/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ : 2,03/01/2023	33311	181.818	
04/01/23	TNH.304/1	04/01/23	Thu hộ Lộc Mẫn	1121		2.000.000
10/01/23	TNH.310/1	10/01/23	Thu Phí dịch vụ kế toán	1121		8.100.000
10/01/23	HDBR.3	10/01/23	Phí dịch vụ kế toán tháng 1,2,3 năm 2023	5111	6.000.000	
10/01/23	HDBR.4	10/01/23	Phí dịch vụ tư vấn	5111	1.500.000	
10/01/23	HDBR.5	10/01/23	Phí dịch vụ kế toán tháng 01/2023	5111	2.000.000	
31/12/23	CTNH.1125	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		19.250.000
31/12/23	CTNH.1116	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		27.690.000
31/12/23	CTNH.1117	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		55.853.000
31/12/23	CTNH.1118	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		151.085.737
31/12/23	CTNH.1119	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		11.980.000
31/12/23	CTNH.1131	31/12/23	Khách thanh toán bằng tiền mặt	1111		8.070.000
31/12/23	CTNH.1132	31/12/23	Khách thanh toán tiền mặt	1111		8.070.000
31/12/23	CTNH.1126	31/12/23	Khách thanh toán bằng tiền mặt	1111		984.000
			CỘNG PHÁT SINH		3.358.312.680	3.407.256.847
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		101.551.470	
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		3.358.312.680	3.407.256.847

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

NLS

KTT

LÊ TRẦN TUYẾT SƯƠNG

Hình 2. 11 Sổ cái tài khoản 131 năm 2023

(Nguồn: công ty cung cấp)

- Sổ chi tiết TK 131

CÔNG TY TNHH A.A.C.C

90 Đường 52, BTT,P. Bình Trưng Tây, Q.2, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0302908912

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 131-Phải thu của khách hàng

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			150.495.637
03/01/23	CTNH.300/10	03/01/23	Thu phí dịch vụ kế toán	1121		2.200.000
03/01/23	HDBR.2	03/01/23	Phí dịch vụ báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện năm 2022	5111	1.818.182	
03/01/23	HDBR.2	03/01/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ : 2,03/01/2023	33311	181.818	
04/01/23	CTNH.304/10	04/01/23	Thu hộ Lộc Mẫn	1121		2.000.000
10/01/23	CTNH.310/10	10/01/23	Thu Phí dịch vụ kế toán	1121		8.100.000
10/01/23	HDBR.3	10/01/23	Phí dịch vụ kế toán tháng 1,2,3 năm 2023	5111	6.000.000	
10/01/23	HDBR.4	10/01/23	Phí dịch vụ tư vấn	5111	1.500.000	
10/01/23	HDBR.5	10/01/23	Phí dịch vụ kế toán tháng 01/2023	5111	2.000.000	
31/12/23	CTNH.1125	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		19.250.000
31/12/23	CTNH.1116	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		27.690.000
31/12/23	CTNH.1117	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		55.853.000
31/12/23	CTNH.1118	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		151.085.737
31/12/23	CTNH.1119	31/12/23	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	1111		11.980.000
31/12/23	CTNH.1131	31/12/23	Khách thanh toán bằng tiền mặt	1111		8.070.000
31/12/23	CTNH.1132	31/12/23	Khách thanh toán tiền mặt	1111		8.070.000
31/12/23	CTNH.1126	31/12/23	Khách thanh toán bằng tiền mặt	1111		984.000
			Cộng phát sinh		3.358.312.680	3.407.256.847
			Số dư cuối kỳ		101.551.470	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

NLS

KTT

LÊ TRẦN TUYẾT SƯƠNG

Hình 2. 12 Sổ chi tiết tài khoản 131 năm 2023

(Nguồn: công ty cung cấp)

+ Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:

- Tạo danh mục khách hàng và đối tượng pháp nhân
- Nhập liệu các thông tin về khách hàng
- Chứng từ, sổ sách kế toán được lập và lưu trữ trên phần mềm kế toán

2.4.4 Kiểm tra kết quả công việc

+ Người kiểm tra:

- Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp.

+ Định kỳ kiểm tra:

- Các kế toán tổng hợp sẽ đối chiếu công việc mỗi ngày với nhau (làm việc theo nhóm).
 - Kiểm tra theo tháng: công ty có doanh thu từ 50 tỷ đồng, có chu kỳ nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng.
 - Kiểm tra theo quý: các công ty có chu kỳ nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng hàng quý.
 - Kiểm tra lần 2 khi trước khi gửi cho khách hàng xác nhận.
 - Kiểm tra lần 3 khi trước khi nộp lên cơ quan Thuế.
- + Cách thức kiểm tra:**
- Hàng tháng sẽ chọn kế toán tổng hợp và ngẫu nhiên vài công ty, nhân viên chịu trách nhiệm sẽ có thời gian 1 tuần để sắp xếp hồ sơ và chuẩn bị số liệu giống như thực sự được yêu cầu quyết toán, từ lần quyết toán gần nhất đến thời điểm hiện tại: kế toán trưởng và trưởng nhóm chuyên môn sẽ kiểm tra.
 - Các kế toán tổng hợp đối chiếu với nhau.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH A.A.C.C

3.1 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C

3.1.1. Sự cần thiết công tác kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp buộc phải tự hoàn thiện, cải tiến cả về phương thức hoạt động lẫn hiệu quả công tác quản lý, trong đó có công tác kế toán. Công tác kế toán ở doanh nghiệp có nhiều khâu, nhiều phần hành mà trong đó kế toán phải thu khách hàng luôn là phần kế toán đặc biệt quan trọng. Việc hạch toán đầy đủ, kịp thời và quản lý tốt công nợ phải thu khách hàng sẽ tạo nền tảng vững chắc giúp doanh nghiệp xác định chính xác được tình hình tài chính từ đó chủ động trong các giao dịch kinh doanh để phát triển các mối quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp, góp phần chung vào sự phát triển của doanh nghiệp. Ngược lại, công tác kế toán phải thu không tốt sẽ dẫn đến hậu quả là công nợ quá hạn, tồn đọng nhiều, nếu nợ phải thu trong trường hợp không thể thu hồi được, doanh nghiệp có thể sẽ phải đối mặt với nguy cơ giải thể, phá sản do mất khả năng thanh toán. Vì vậy công tác kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH A.A.C.C luôn là mối quan tâm lớn của các nhà quản lý tại công ty.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C

Việc hoàn thiện công tác kế toán phải thu khách hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành trong lĩnh vực kế toán: để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội Nhà nước sẽ tác động và hoạt động của doanh nghiệp bằng hệ thống luật pháp, chính sách tổ chức, các chế tài về kinh tế tài chính và các công cụ quản lý. Theo đó, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán phải thu khách hàng nói riêng phải dựa trên Luật Kế toán, chế độ quản lý tài chính và

chế độ kế toán hiện hành. Việc tuân thủ các quy định hiện hành trong lĩnh vực kế toán thể hiện từ việc tuân thủ quy định về chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản, trình tự hạch toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước và cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Việc hoàn thiện phải căn cứ vào điều kiện riêng của từng doanh nghiệp: các giải pháp hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng phải căn cứ vào điều kiện riêng của doanh nghiệp như định hướng phát triển, đặc điểm kinh doanh, cơ cấu tổ chức quản lý,...

3.2 Giải pháp

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C”, bằng sự hiểu biết, quan sát và kinh nghiệm tích lũy được của mình, em xin nhận xét và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện hơn về tổ chức bộ máy kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C như sau:

- Các nhân viên đều là Kế toán tổng hợp đảm nhận khối lượng lớn công việc nên không phân ra kế toán phải thu khách hàng, kế toán thuế... Công ty nên phân rõ ràng mục tiêu nhân viên (theo quy tắc bất kiêm nhiệm) để thuận tiện theo dõi công việc.

- Phòng kế toán các nhân viên kế toán làm việc độc lập, dẫn đến tình trạng khó kiểm tra công việc cho một kế toán tổng hợp nào đó vì công việc không có quy trình chung đối với các công ty vừa và nhỏ nên khi xảy ra sai sót sẽ khó phát hiện. Các kế toán làm việc độc lập sẽ dễ dẫn đến việc cách biệt trong giao tiếp. Thiếu sự phối hợp giữa các phòng ban. Công ty nên tổ chức thêm nhiều hoạt động tập thể để mọi người có cơ hội giao tiếp với nhau, các kế toán tổng hợp nên có 3 đến 5 công ty quy mô lớn để mọi người có thể làm việc theo quy trình với nhau, để vừa nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và vừa nâng cao kỹ năng làm việc nhóm.

- Công ty nên đẩy mạnh truyền thông hơn qua các trang mạng xã hội như tik tok, facebookđể nhiều khách hàng biết đến và thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng hơn nữa. Ngoài ra, công ty nên có một trang mạng riêng giới thiệu rõ hơn

về dịch vụ công ty cung cấp và giới thiệu các kế toán tổng hợp kèm bằng cấp, kinh nghiệm để nâng cao sự tín nhiệm đối với khách hàng, đồng thời thể hiện sự trân trọng tới từng kế toán gắn bó với công ty.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C

- Việc gọi điện thoại nhắc nhở khách hàng về các khoản nợ đôi lúc cũng khiến khách hàng thấy khó chịu, hạn chế tần suất gọi, có thể thay bằng việc gửi thư điện tử hoặc thậm chí hẹn gặp trực tiếp để trao đổi.
- Để tránh tình trạng khách nợ dai, kế toán có thể thương lượng:
 - + Cho khách chia nợ theo từng đợt, theo kỳ hạn nhỏ và chốt đợt thanh toán cuối cùng
 - + Giảm, miễn một phần nợ, nợ lãi hoặc chi phí theo chính sách công ty và từng thời điểm
 - + Chấp thuận linh hoạt thanh toán bằng hàng hoá hoặc cầm trừ nợ...

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo thực tập của em với đề tài: “Kế toán phải thu của khách hàng tại công ty TNHH A.A.C.C”. Qua quá trình thực tập đã phần nào giúp em hiểu được vai trò và tầm quan trọng của kế toán phải thu khách hàng đối với mỗi doanh nghiệp.

Nhờ sự quan tâm từ phía ban lãnh đạo quý công ty cùng với sự hỗ trợ rất tận tình của các anh chị nhân viên Kế toán, em đã được tiếp thu thêm kiến thức, được cung cấp các số liệu kế toán của công ty, và nhận được sự hướng dẫn cũng như giải đáp những thắc mắc giữa lý thuyết và thực tiễn.

Sau một thời gian thực tập tại công ty, em đã có được những kinh nghiệm quý báu, những trải nghiệm khó quên khi thực tập ở công ty. Với năng lực còn hạn chế nên đề tài khó tránh có thiết sót, em rất mong được sự đóng góp của quý thầy cô và các anh chị ở quý công ty để đề tài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô ở Khoa Kế toán, đặc biệt là cô Trần Thị Hương Giang cùng toàn thể ban lãnh đạo nhà trường, các anh chị trong công ty đã giúp đỡ để em có thể hoàn thành đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Kế toán. Khoản 5 Điều 6 Nguyên tắc kế toán. Quốc Hội ban hành năm 2015
- Nghị định 174 Quy định chi tiết một số điều của luật kế toán. Chính Phủ ban hành năm 2016
- Thông tư 200 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Bộ Tài chính ban hành năm 2014
- Thông tư 132 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ. Bộ Tài chính ban hành năm 2018
- Thông tư 133 Hướng dẫn kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ tài chính ban hành năm 2016
- Tài liệu và dữ liệu tại phòng Kế toán Công ty TNHH A.A.C.C.